

Bản án số: 351/2022/DS-ST
Ngày: 26/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn
2. Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2022/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 356/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; địa chỉ: Tầng 1 (Tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà SailingTower – Số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V– Chức vụ: Tổng giám đốc
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- 1/ Ông Lý Xuân T– Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (có mặt).
 - 2/ Ông Ngô Bạch L- Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Vắng mặt).
 - 3/ Bà Nguyễn Ái V– Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Vắng mặt).
- (Giấy ủy quyền số 43839.21/2022/UQ-TTT ngày 15/7/2022).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu N, sinh năm 1971; địa chỉ: Số B đường N, Phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lý Xuân T trình bày:

Ngày 10/10/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (Sau đây được viết tắt là Ngân hàng) đã ký kết với bà Huỳnh Thị Thu N hợp đồng tín dụng số 494759.HDTD801.18 (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng). Nội dung Hợp đồng thỏa thuận, Ngân hàng cho bà N vay số tiền là 165.000.000 đồng, mục đích cho vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vào thời điểm giải ngân là 15,5%/năm, mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất đang được áp dụng cho khoản tín dụng. Số tiền phải trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi) là 3.968.777 đồng, ngày đến hạn trả tiền là ngày 10 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 10/11/2018. Ngày 10/10/2018, Ngân hàng đã giải ngân cho bà N theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 494759.KUNN801.18 với số tiền 165.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 31.753.000 đồng, trong đó nợ gốc là 15.399.610 đồng, nợ lãi là 16.353.390 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bà N thanh toán khoản nợ còn lại nhưng bà N luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển khoản vay của bà N sang khoản nợ quá hạn từ ngày 10/7/2019. Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2021, Ngân hàng có nhầm lẫn trong việc xác định số tiền bà N đã thanh toán, số nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn. Tuy nhiên, Ngân hàng đã có đơn sửa đổi bổ sung ngày 08/8/2022 đã xác định lại chính xác số tiền bà N đã thanh toán và số nợ bà N còn nợ Ngân hàng, thể hiện chi tiết tại bản tình hình giao dịch khế ước và bảng tính lãi. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán khoản nợ vay tạm tính đến ngày 26/9/2022 số tiền 249.590.691 đồng, trong đó nợ gốc là 149.600.390 đồng, lãi trong hạn 1.903.085 đồng và lãi quá hạn là 98.087.216 đồng. Trả ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 27/9/2022 yêu cầu bà N tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là bà Huỳnh Thị Thu N tại địa chỉ số B đường N, Phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 04/8/2022 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Lý Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Bị đơn, bà Huỳnh Thị Thu N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 494759.HDTD801.18 ngày 10/10/2018. Ngân hàng đã cho bà Huỳnh Thị Thu N vay số tiền 165.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà N vi phạm thời hạn thanh toán nên ngày 20/7/2021 Ngân hàng đã thông báo thu toàn bộ dư nợ liên quan đến khoản vay và chuyển nợ quá hạn. Do bà N không thanh toán đúng hạn nên phát sinh lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ bản tóm tắt sao kê tính lãi thể hiện bà N có thực hiện giao dịch với Ngân hàng. Tính đến ngày 26/9/2022 bà N còn nợ Ngân hàng số tiền: Nợ gốc là 149.600.390 đồng, lãi trong hạn 1.903.085 đồng và lãi quá hạn là 98.087.216 đồng. Tổng số tiền phải trả là 249.590.691 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán số nợ trên là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị Thu N thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2022 là 249.590.691 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, theo Hợp đồng tín dụng số 494759.HDTD801.18 ngày 10/10/2018 và đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 494759.KUNN801.18 ngày 10/10/2018. Bà N tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Q có đơn khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu N trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 494759.HDTD801.18 ngày 10/10/2018, tính đến ngày 26/9/2022 với số nợ là 249.590.691 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, thể hiện bà Huỳnh Thị Thu N, sinh năm 1971 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số B đường N, Phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, nhưng hiện tại thực tế không cư trú, nhà đã bán và không rõ ở đâu. Như vậy, bà N thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của bà N trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại Hợp đồng tín dụng, việc bà N thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Bà Huỳnh Thị Thu N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và bị đơn không có yêu cầu phản tố. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Huỳnh Thị Thu N.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số 494759.HDTD801.18 ngày 10/10/2018; đơn yêu cầu giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 494759.KUNN801.18 ngày 10/10/2018; bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng của Ngân hàng; bản tình hình giao dịch khế ước và bảng tính lãi, đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định bà Huỳnh Thị Thu N có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 494759.HDTD801.18 ngày 10/10/2018, theo đơn yêu cầu giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 10/10/2018 thể hiện số tiền bà N đã vay của Ngân hàng là 165.000.000 đồng, mục đích cho vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vào thời điểm giải ngân là 15,5%/năm, mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất đang được áp dụng cho khoản tín dụng. Số tiền phải trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi) là 3.968.777 đồng. Ngày đến hạn trả tiền là ngày 10 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 10/11/2018. Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016

của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản tình hình giao dịch khế ước và bản sao kê tính lãi chứng minh khoản nợ bà N đã thanh toán số tiền 31.753.000 đồng, trong đó nợ gốc là 15.399.610, nợ lãi là 16.353.390 đồng. Do bà N không thanh toán nợ còn nên Ngân hàng Ngân hàng đã chuyển khoản vay của bà N sang khoản nợ quá hạn từ ngày 10/7/2019 là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng. Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2021, Ngân hàng có nhầm lẫn trong việc xác định số tiền bà N đã thanh toán, số nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn. Ngân hàng đã có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 08/8/2022 đã xác định lại chính xác số tiền bà N đã thanh toán và số nợ bà N còn nợ Ngân hàng, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp về khoản nợ vay, lịch trình thanh toán thì số liệu mà nguyên đơn xác định lại là đúng. Việc bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Bà N không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà N đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín số 494759.HDTPD801.18 ngày 10/10/2018, theo đơn yêu cầu giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/10/2018, bản các bản điều khoản và điều kiện tín dụng và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, bà Huỳnh Thị Thu N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Huỳnh Thị Thu N thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 26/9/2022 là 249.590.691 đồng, trong đó: nợ gốc là 149.600.390 đồng, lãi trong hạn 1.903.085 đồng và lãi quá hạn là 98.087.216 đồng, phát sinh theo Hợp đồng tín số 494759.HDTPD801.18 ngày 10/10/2018 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 494759.KUNN801.18 ngày 10/10/2018. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/9/2022 bà N phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) là 12.479.534 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.133.802 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0048686 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bà Huỳnh Thị Thu N thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 26/9/2022 là 249.590.691 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm chín mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 149.600.390 đồng, lãi trong hạn 1.903.085 đồng và lãi quá hạn là 98.087.216 đồng, phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 494759.HDTPD801.18 ngày 10/10/2018 và đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước

nhận nợ số 494759.KUNN801.18 ngày 10/10/2018. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/9/2022 bà N phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Thu N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 12.479.534 đồng. (Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

- Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.133.802 đồng (Năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm lẻ hai đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0048686 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thành Huế

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thành Huế